

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;



Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 600/TTr-SNV ngày 30 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 và thay thế Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ, Sở Nội vụ;
- Cổng Thông tin điện tử, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

02

QUY ĐỊNH

Về quản lý người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, tuyển chọn, bố trí, đào tạo, kỷ luật, khen thưởng, sử dụng người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); ở thôn, buôn, bon, bản (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn

1. Tiêu chuẩn chung

a) Là công dân Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên; có lý lịch rõ ràng.

b) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có tinh thần trách nhiệm, có năng lực công tác đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

d) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên *(không áp dụng đối với chức danh Chủ tịch Hội Người cao tuổi hoặc người Dân tộc thiểu số)*.

b) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ưu tiên xem xét tuyển chọn, bố trí đối với trường hợp tốt nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí công tác.

c) Tiêu chuẩn các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc khối Đảng, đoàn thể được thực hiện theo Điều lệ Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp điều lệ hoặc pháp luật chuyên ngành không quy định thì thực hiện tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

d) Tiêu chuẩn đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, thực hiện theo quy định của pháp luật về Dân quân tự vệ.

đ) Tiêu chuẩn Nhân viên thú y thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn đối với Nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

e) Tiêu chuẩn đối với chức danh Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ: Có bằng tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư, lưu trữ, văn phòng như: Hành chính; văn phòng, quản trị văn phòng, văn thư, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, quản lý thông tin và được bồi dưỡng nghiệp vụ thủ quỹ, tin học, thống kê hoặc tốt nghiệp Đại học trở lên.

3. Những tiêu chuẩn trên chỉ áp dụng đối với tuyển chọn, bổ nhiệm, phê chuẩn mới kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Nhiệm vụ cụ thể của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo từng chức danh

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc khối Đảng, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Đảng, điều lệ của tổ chức, pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hướng dẫn của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và phân công của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo quy định.

3. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc lĩnh vực chuyên môn khối Nhà nước giao Ủy ban nhân dân cấp xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh này phù hợp với quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

TUYỂN CHỌN NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

Điều 5. Nguyên tắc

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
2. Bảo đảm tính cạnh tranh.
3. Tuyển chọn người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

Điều 6. Căn cứ tuyển chọn

1. Việc bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng người theo quy định.

2. Hàng năm hoặc do yêu cầu nhiệm vụ đột xuất cần tuyển chọn, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn.

Điều 7. Điều kiện đăng ký

1. Người có đủ các điều kiện sau đây thì được đăng ký tuyển chọn, không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo.

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.
- b) Đủ 18 tuổi trở lên.
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng.
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp (nếu có).
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí cần tuyển chọn.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- a) Không cư trú tại Việt Nam.
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được

xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 8. Thứ tự ưu tiên

1. Người có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên.
2. Người dân tộc thiểu số, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động, người có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên.
3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ, người hoàn thành nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 9. Đối tượng, hình thức tuyển chọn

1. Đối tượng

Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ, Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý Nhà văn hóa, Nhân viên thú y, Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy, Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy.

2. Hình thức

Tổ chức họp xét chọn.

Điều 10. Trình tự, thủ tục

1. Thông báo

a) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nhu cầu công việc; số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định, số lượng hiện có, số lượng người còn thiếu so với quy định; tiến hành thông báo và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển chọn, thời hạn và thời điểm tiếp nhận hồ sơ, thời hạn xét tuyển chọn.

b) Thời hạn nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phù hợp với tình hình của địa phương.

2. Hồ sơ

Người tham gia dự tuyển nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ dự tuyển tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thông báo tuyển chọn, gồm:

- a) Đơn đăng ký dự tuyển.
- b) Bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ (nếu có).
- d) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

3. Tổ chức xét chọn

a) Tiếp nhận hồ sơ

Văn phòng - thống kê cấp xã chịu trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu sơ bộ với thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Tổ chức tuyển chọn

Sau khi kết thúc thời gian nhận hồ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp, xét chọn.

c) Thành phần tham dự xét chọn

- Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ trì.
- Mời: Đại diện Đảng ủy, Hội đồng nhân dân cấp xã tham dự.
- Công chức Văn phòng - thống kê, thư ký cuộc họp.

4. Nội dung

a) Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, kinh nghiệm thực tiễn của người dự tuyển hoặc các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển quy định tại điểm g, Khoản 1 Điều 7 Quy định này.

b) Xác định đối tượng ưu tiên theo quy định tại Điều 8.

c) Thống nhất tuyển chọn bằng hình thức bỏ phiếu kín theo thành phần tại điểm c, khoản 3 Điều này.

5. Người được tuyển chọn

Người được tuyển chọn phải có kết quả kiểm phiếu cao hơn. Nếu có 02 người có kết quả kiểm phiếu bằng nhau, thì xét theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Điều 8 Quy định này; nếu vẫn có kết quả bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định người được tuyển chọn.

6. Ban hành quyết định

Căn cứ kết quả họp xét chọn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bố trí công tác đối với người được tuyển chọn. Riêng các chức danh Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy, Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy do Bí thư Đảng ủy cấp xã quyết định bố trí công tác.

7. Nhận nhiệm vụ

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bố trí công tác, người được tuyển chọn phải đến Ủy ban nhân dân cấp xã để nhận nhiệm vụ. Trường hợp có lý do chính đáng không thể đến nhận nhiệm vụ đúng thời hạn quy định thì người được tuyển chọn phải gửi đơn gia hạn nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày ký quyết định bố trí công tác và phải được người có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản. Quá thời hạn nêu trên mà người được tuyển chọn không đến nhận nhiệm vụ thì người có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định.

Điều 11. Tiếp nhận đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã không qua tuyển chọn

1. Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền xem xét tiếp nhận không qua xét tuyển chọn đối với các trường hợp đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức và người công tác thuộc lĩnh vực Quân đội, Công an, cơ yếu có nguyện vọng công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cán bộ cấp xã thôi đảm nhiệm chức vụ, công chức cấp xã nghỉ việc mà có đủ tiêu chuẩn và đáp ứng được ngay các nhiệm vụ của chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã cần tuyển.

c) Trường hợp đã được tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách cấp xã nhưng do nhu cầu bố trí, sắp xếp của cơ quan, được điều chuyển sang công tác khác hoặc do di chuyển từ địa phương khác đến khi có nguyện vọng và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì được tiếp nhận trở lại chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã không qua xét tuyển.

2. Không tiếp nhận đối với các trường hợp đang trong thời hạn xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ; Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Bố trí kiêm nhiệm

1. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, tiêu chuẩn những người hoạt động không chuyên trách, Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quyết định kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách đảm bảo phù hợp, hiệu quả và không vượt quá số lượng người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp theo quy định.

2. Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố thì người có thẩm quyền quyết định bố trí vào chức danh kiêm nhiệm đó mà không thực hiện xét tuyển.

Điều 13. Đào tạo, bồi dưỡng

Người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ,... phù hợp với chức danh phụ trách. Riêng đối với trường hợp thuộc đối tượng quy hoạch ở chức vụ cao hơn được ưu tiên xem xét đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh được quy hoạch.

Điều 14. Khen thưởng

Người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ thì được xét khen thưởng theo quy định của Đảng, Mặt trận, đoàn thể và quy định của pháp luật.

Điều 15. Kỷ luật

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã vi phạm các quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy theo tích chất, mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật theo một trong những hình thức: Khiển trách; Cảnh cáo; Buộc thôi việc (*hoặc Miễn nhiệm đối với người được bầu cử*).

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo thì không được bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn ít nhất là một năm kể từ khi có quyết định kỷ luật.

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc miễn nhiệm nếu không bố trí vào công việc khác được thì cho nghỉ việc. Khi bị cho nghỉ việc thì không được hưởng các quyền lợi và phải bồi thường các thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã làm mất mát, hư hỏng trang thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì phải hoàn trả cho cơ quan, tổ chức khoản tiền mà cơ quan, tổ chức đã bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã vi phạm pháp luật mà có dấu hiệu của tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

7. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phạm tội bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc.

Điều 16. Tạm đình chỉ công tác

Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thể bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý ra quyết định tạm đình chỉ công tác nếu xét thấy người hoạt động không chuyên trách đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xác minh hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 15 ngày, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 03 tháng; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác, nếu không bị xử lý thì người hoạt động không chuyên trách đó được tiếp tục làm việc. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trong thời gian bị

đình chỉ công tác được hưởng 50% (năm mươi phần trăm) mức phụ cấp của chức danh đang đảm nhiệm.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không có lỗi thì sau khi tạm đình chỉ công tác, được bố trí trở lại vị trí công tác cũ và được truy lĩnh 50% phụ cấp trong thời gian tạm đình chỉ.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý kỷ luật, việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

a) Cấp có thẩm quyền quyết định tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, phê chuẩn, chỉ định đối với chức danh ở khối nào thì có quyền quyết định xử lý kỷ luật chức danh ở khối đó theo quy trình: Hội đồng kỷ luật cấp xã xem xét và đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định.

b) Việc xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các chức danh bầu cử thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

c) Hội đồng kỷ luật cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, thành phần gồm: Đại diện lãnh đạo Đảng ủy, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và công chức Văn phòng - thống kê.

2. Những người hoạt động không chuyên trách khi bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

3. Những người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan, sai thì được phục hồi danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Giải quyết thôi việc, nghỉ việc

1. Trình tự giải quyết chế độ thôi việc, nghỉ việc

a) Người có thẩm quyền quản lý ban hành quyết định cho thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giải quyết chế độ thôi việc, nghỉ việc theo quy định.

2. Hồ sơ giải quyết chế độ thôi việc gồm:

Đơn xin thôi việc; các quyết định tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, chỉ định, phê chuẩn của cơ quan có thẩm quyền; Sổ tham gia bảo hiểm xã hội; Quyết định cho thôi việc, nghỉ việc (sao y) và các giấy tờ có liên quan đến quá trình công tác khác (nếu có).



2. Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, người hoạt động không chuyên trách cấp xã không được thôi việc trước khi có quyết định xử lý.

Điều 19. Quy định đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố

Đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố: Tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, chế độ và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức theo dõi, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

3. Thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Y tế

Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Xây dựng Kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng cho người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Hướng dẫn việc bố trí, quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

4. Giải quyết và chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

5. Quyết định khen thưởng và đề xuất khen thưởng cấp trên đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

6. Thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Trách nhiệm của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trực tiếp theo dõi, quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

2. Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở địa bàn và theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

4. Quyết định kỷ luật và xem xét, đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện khen thưởng người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

5. Hồ sơ những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc lĩnh vực chuyên môn do UBND cấp xã trực tiếp lưu, quản lý và giúp người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng nhận xét hàng năm.

6. Thực hiện thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo yêu cầu của cấp trên.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.